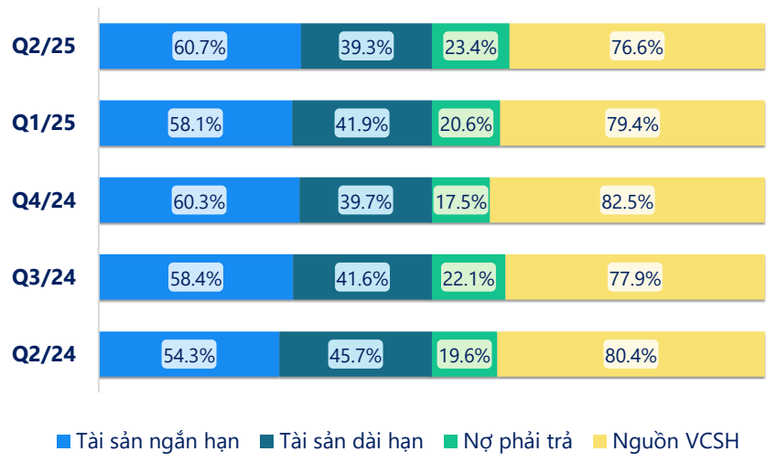
FireAnt

CTCP Bệnh viện tim Tâm Đức (UPCOM: TTD)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	74,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	84,345
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	51,218
SL cổ phiếu LH	15,552,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	120
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,154
P/E	12.1
EPS	6,154

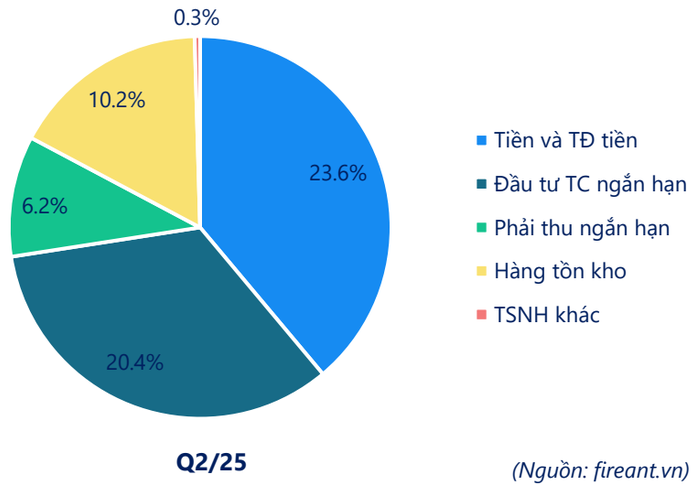
	YTD	1T	3T	6T
TTD	10.3%	2.9%	11.1%	10.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



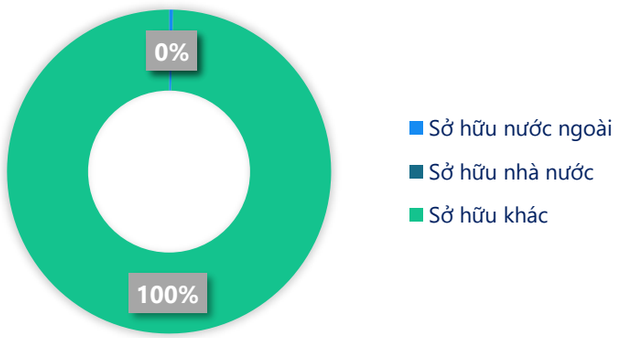
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



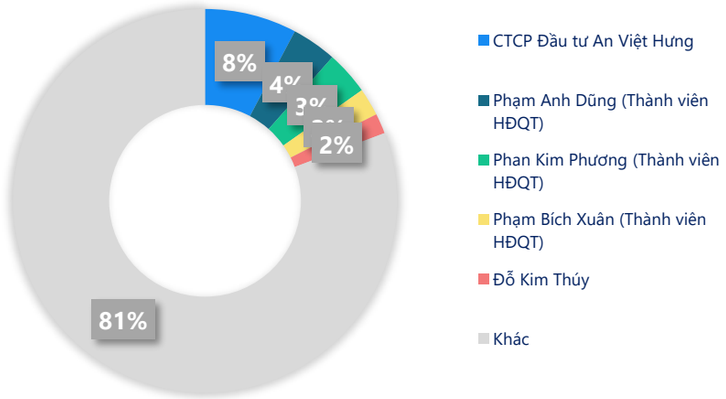
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



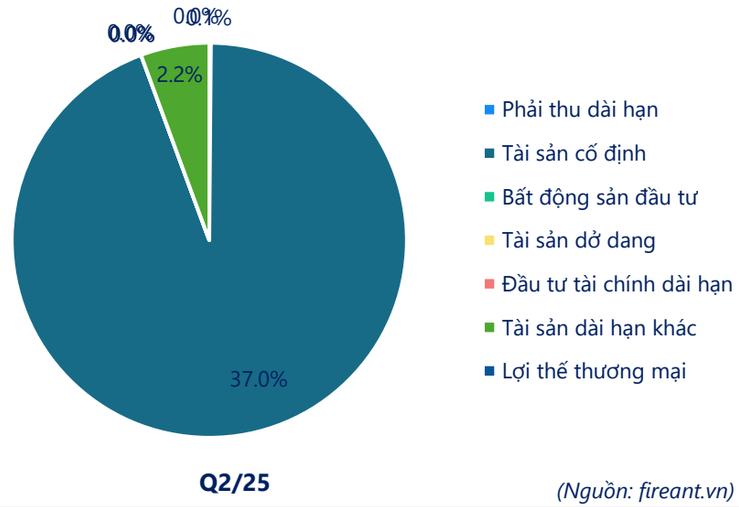
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

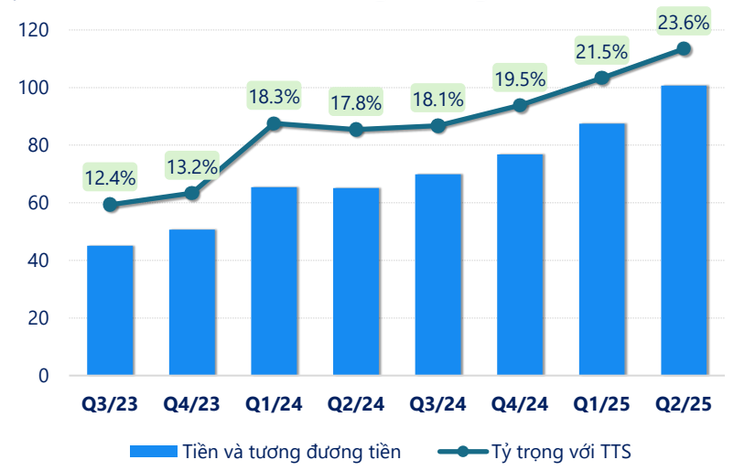


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

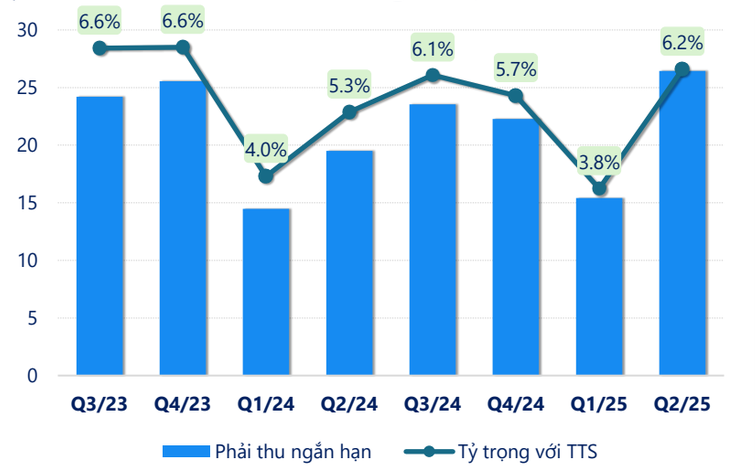
CTCP Bệnh viện tim Tâm Đức (UPCOM: TTD)

Tiền và tương đương tiền



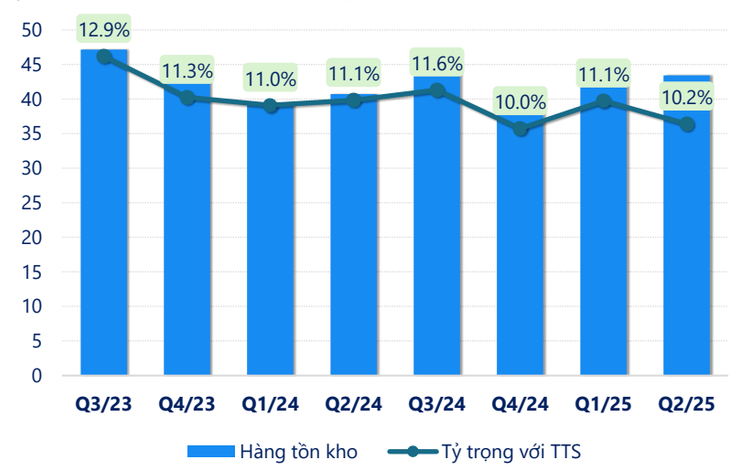
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



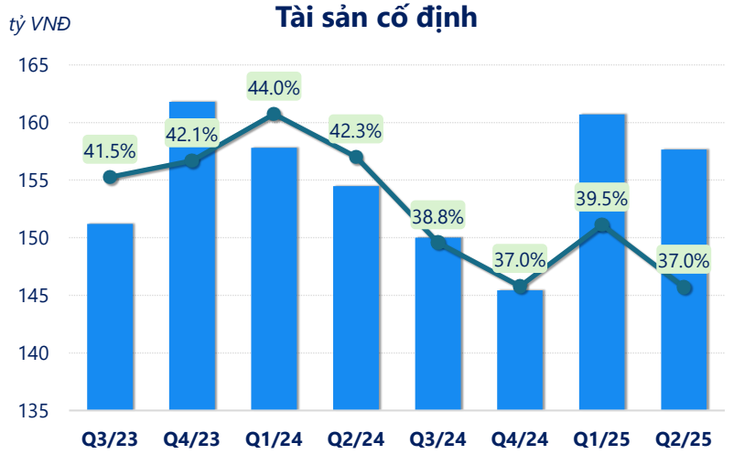
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



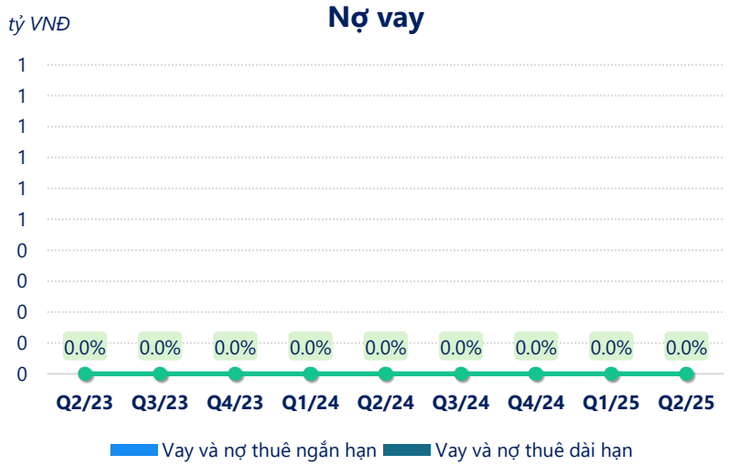
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



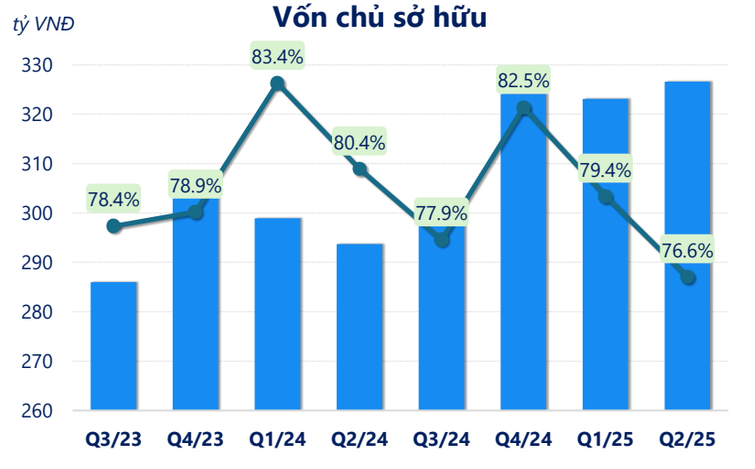
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

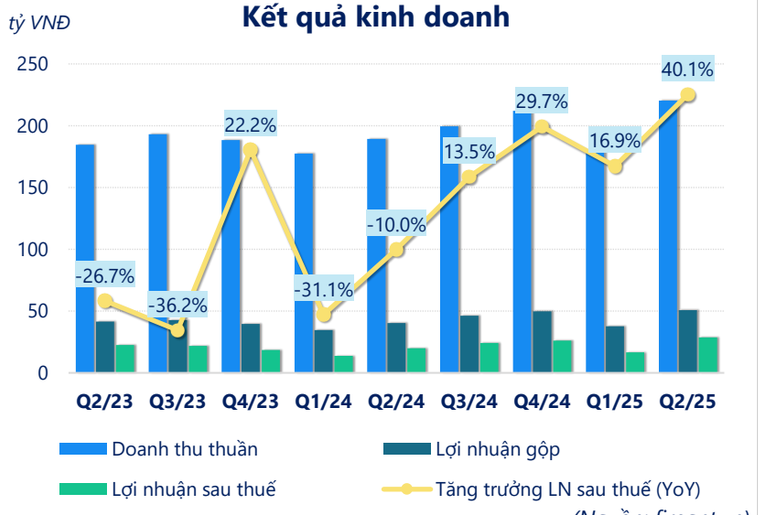


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

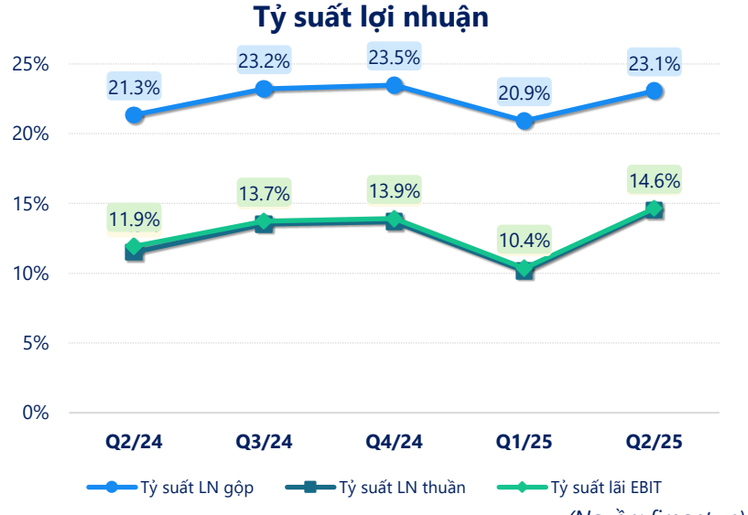
CTCP Bệnh viện tim Tâm Đức (UPCOM: TTD)

Kết quả kinh doanh



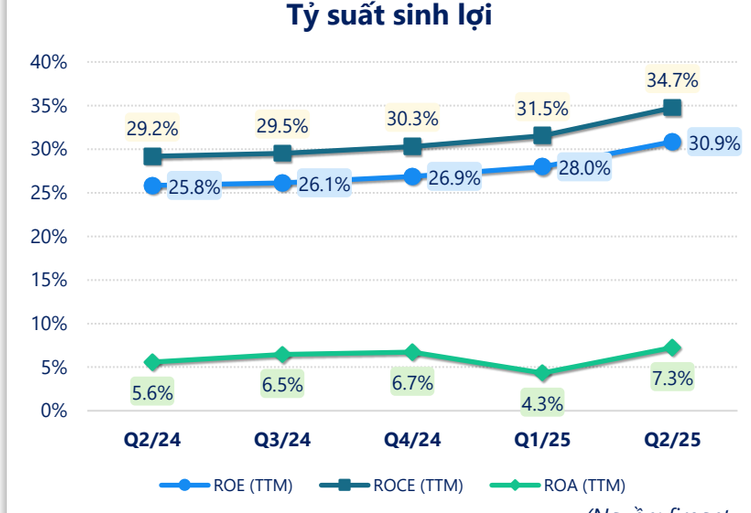
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



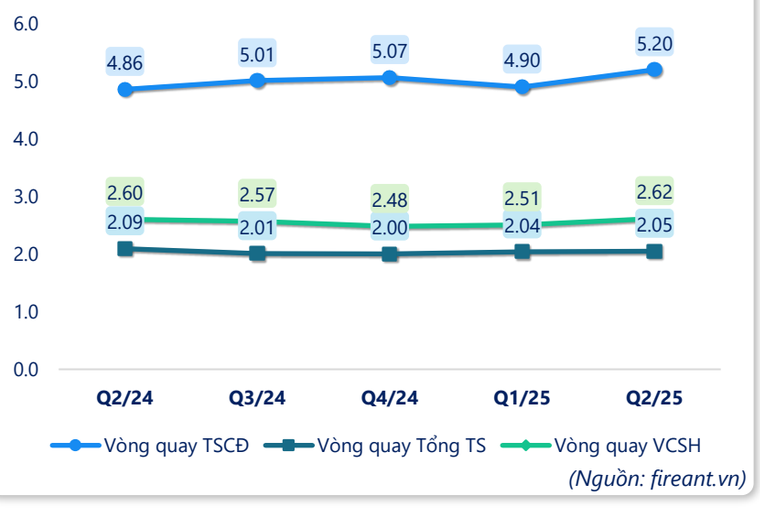
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



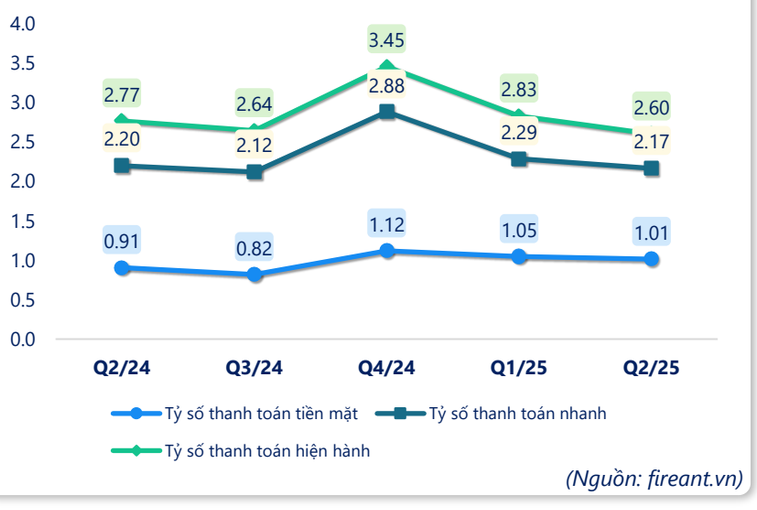
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



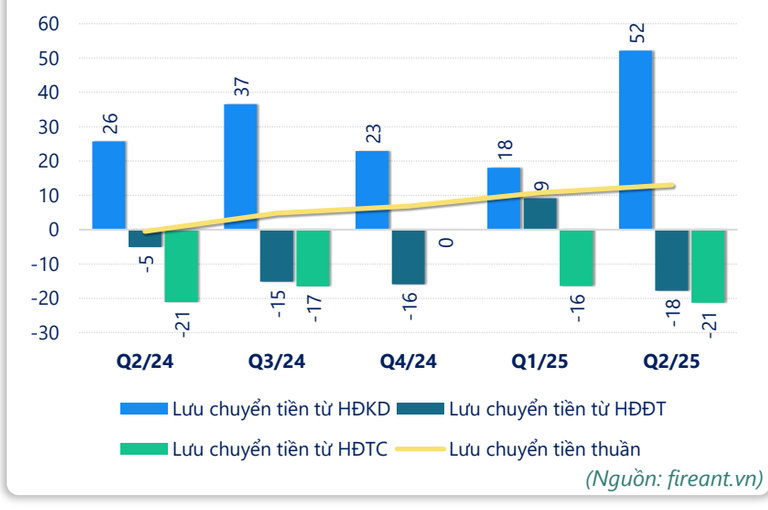
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Bệnh viện tim Tâm Đức (UPCOM: TTD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**426**	**393**	**8.5%**
Tài sản ngắn hạn	259	237	9.2%
Tiền và tương đương tiền	101	76.8	31.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	87.1	97.1	-10.3%
Phải thu ngắn hạn	26.4	22.3	18.7%
Hàng tồn kho	43.4	39.3	10.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.19	1.55	-23.6%
Tài sản dài hạn	**167**	**156**	**7.4%**
Phải thu dài hạn	0.22	0.02	899%
Tài sản cố định	158	145	8.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**9.40**	**10.3**	**-9.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	99.5	68.6	45.0%
Nợ ngắn hạn	**99.5**	**68.6**	**45.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	71.9	43.1	66.7%
Nợ dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**327**	**324**	**0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**327**	**324**	**0.8%**
Vốn điều lệ	156	156	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	189	200	212	180	220
Giá vốn hàng bán	149	153	162	142	169
Lợi nhuận gộp	40.4	46.3	49.8	37.6	50.8
Doanh thu HĐTC	1.55	0.49	1.85	0.61	2.57
Chi phí TC	0	0	0.01	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	4.18	3.82	4.09	3.04	3.74
Chi phí QLDN	16.0	16.0	18.5	16.9	17.6
LN thuần từ HĐKD	21.8	27.0	29.0	18.3	32.0
Lợi nhuận khác	0.77	0.41	0.46	0.33	0.26
LN trước thuế	22.6	27.4	29.5	18.6	32.3
Lợi nhuận sau thuế	20.0	24.3	26.1	16.6	28.7
LNST của CĐ cty mẹ	20.0	24.3	26.1	16.6	28.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25.7	36.5	22.9	18.0	52.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.11	-15.2	-15.9	9.19	-17.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-21.1	-16.5	-0.07	-16.5	-21.3
Tiền đầu kỳ	65.4	65.0	69.9	76.8	87.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.51**	**4.84**	**6.89**	**10.7**	**13.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.12	0	-0.01	0	0.15
Tiền cuối kỳ	65.0	69.9	76.8	87.5	101

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic